

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10-4-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Quốc Tuấn

Bà Lê Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 30/2024/QĐ-CA ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M; nơi đăng ký thường trú: Tổ 2, phường T, thị xã H, tỉnh T; nơi cư trú hiện nay: Ngõ 133, đường T, quận L, thành phố Cao C, Đà Lạt; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L; nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh T vào ngày 11/02/2014. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống tại Tổ 2, phường T, thị xã H, tỉnh T, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn thường xuyên do bất đồng về quan điểm và lối sống khác biệt. Đến năm 2017 thì chị đi xuất khẩu lao động tại Đà Lạt, anh Nguyễn

Văn L vẫn ở Việt Nam. Do cách biệt về địa lý và chênh lệch về thời gian nên dần dần vợ chồng chị ít nói chuyện, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau nữa. Mặc dù hai bên đã cố gắng giải quyết những bất đồng, mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có tiếng nói chung và không có kết quả. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Văn L có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 19/6/2014, hiện nay cháu đang sinh sống cùng ông bà nội tại xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị có nguyện vọng giao con chung cho anh Nguyễn Văn L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/ tháng cho đến khi con trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn L đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thông báo để viết bản tự khai, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng quá trình giải quyết vụ án bị đơn không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến gì về việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn. Như vậy, xác định tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 19/6/2014. Hiện nay cháu đang sống cùng ông bà nội và theo học tại trường Tiểu học và THCS xã K, huyện T. Ý kiến của ông Nguyễn Văn D là ông nội, ông bà nội thay mặt bố mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu và không có ý kiến gì. Mặt khác nguyện vọng của cháu cũng là được ở cùng bố, nguyên đơn chị Phạm Thị M đi làm tại Đài Loan không có điều kiện chăm sóc con, do đó cần giao con chung cho bị đơn anh Nguyễn Văn L là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc D cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Phạm Thị M cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/ tháng. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị M, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 2, phường T, thị xã H, tỉnh T; hiện nay chị Phạm Thị M cư trú tại ngõ 133, đường T, quận L, thành phố C, Đài Loan, được xác nhận thông qua chứng thực tại Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc (Lời chứng của người có thẩm quyền chứng thực ngày 02-02-2023, số chứng thực: 055-02, quyển số 01/2023-SCT/CK). Chị Phạm Thị M làm đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L, đăng ký thường trú tại thôn H, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 11/01/2023. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ hai, đã được triệu tập, niêm yết hợp lệ, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn L chung sống vợ chồng cùng nhau từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 11/02/2014 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh T. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2017, chị Phạm Thị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho đến nay. Theo như nguyên đơn trình bày thì do sự cách biệt về địa lý nên dần dần hai vợ chồng ít nói chuyện, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Mặc dù hai bên đã cố gắng giải quyết những bất đồng và hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả. Trước đây bị đơn anh Nguyễn Văn L cùng cháu Nguyễn Thị Ngọc D sinh sống tại Tổ 2, phường T, thị xã H, tỉnh T. Tại biên bản xác minh ngày 15/6/2023, bố nguyên đơn cho biết anh Nguyễn Văn L cùng cháu Nguyễn Thị Ngọc D đã bỏ đi chỗ khác ở trước đó 01 năm, hiện nay ở đâu ông cũng không biết. Điều đó cho thấy giữa bị đơn anh Nguyễn Văn L và nguyên đơn chị Phạm Thị M cùng bố mẹ nguyên đơn đã không còn liên lạc và quan tâm đến nhau. Mặt khác, việc bị đơn không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình là hành vi bỏ mặc, không còn muốn hàn gắn với nguyên đơn. Do đó xác định giữa hai bên không có khả năng hàn gắn, hiện nay mỗi người ở một nơi không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, đề

ngộ ly hôn của chị Phạm Thị M là có căn cứ cần được chấp nhận, xử cho chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn L có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 19/6/2014, hiện nay cháu đang sinh sống cùng ông bà nội tại thôn H, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị Phạm Thị M có nguyện vọng giao con chung cho anh Nguyễn Văn L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/ tháng cho đến khi con trưởng thành. Xét thấy, chị Phạm Thị M hiện đang đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, hiện nay cháu Nguyễn Thị Ngọc D đang sinh sống cùng bố và ông bà nội tại thôn H, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Tại Biên bản làm việc ngày 19/01/2024 ông Nguyễn Văn Đình là ông nội của cháu Nguyễn Thị Ngọc D cho biết do bố cháu là anh Nguyễn Văn L đi làm xa nhà, ít khi về thăm nhà nên ông bà nội chăm sóc cháu thay cho bố mẹ. Xét thấy, để đảm bảo cho việc sinh sống và học tập ổn định của cháu Nguyễn Thị Ngọc D thì cần giao con chung cho anh Nguyễn Văn L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi vì hiện nay chị Phạm Thị M đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, anh Nguyễn Văn L đi làm xa ít khi về nhà, tuy nhiên cháu Nguyễn Thị Ngọc D hiện đang có sự chăm sóc và giáo dục của ông bà nội, hơn nữa nguyện vọng của cháu cũng là được ở cùng bố là anh Nguyễn Văn L.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Phạm Thị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ/ tháng cho đến khi con trưởng thành. Do đó cần ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị M, chị Phạm Thị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/ tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Nguyễn Thị Ngọc D đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trong quá trình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, anh Nguyễn Văn L có yêu cầu về việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Phạm Thị M phải chịu 600.000đồng án phí sơ thẩm gồm 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước. Sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị Phạm Thị M còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đồng.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn L (Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 11/02/2014 của Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh T).

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 19/6/2014 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Phạm Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D. Mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 10/4/2024 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Ngọc D đủ 18 tuổi.

Chị Phạm Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung và nợ: Không có.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Ngày 13/3/2023, chị Phạm Thị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000292 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh T. Sau khi khấu trừ, chị Phạm Thị M còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh T;
- UBND phường T, thị xã H, tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án, Tòa DS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phùng Đức Chính